

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - ĐỒNG THÁP
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 09-12-2025.

“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình - ly hôn, nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Phú Hữu.
- Ông Bùi Văn Dũng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Cao Thanh Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp.

Ngày 09/12/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 131/2025/TLST-HNGĐ ngày 22/10/2025 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 208/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/11/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 136/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27/11/2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Số nhà A, Tổ G, Ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay là Tổ G, Ấp E, xã B, tỉnh Đồng Tháp).

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Tấn P, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số nhà A, Tổ A, Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay là Tổ A, Khóm A, phường M, tỉnh Đồng Tháp).

(Chị N có mặt tại phiên tòa, anh P vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Nguyễn Tấn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện

C, tỉnh Đồng Tháp (nay là phường M, tỉnh Đồng Tháp) vào ngày 06/01/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu. Sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh P không lo làm ăn, cờ bạc, thiếu nợ nhiều người, chị N có khuyên nhiều lần nhưng anh P không sửa chữa nên mâu thuẫn ngày càng gay gắt, vợ chồng không sống chung từ năm 2020 đến nay. Thời gian xa nhau, anh P không sửa đổi. Nay Chị N yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Tấn P.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Bảo N1, sinh ngày 16/8/2016 và Nguyễn Tấn T, sinh ngày 25/9/2020, hiện hai con chung đang sống với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu nuôi hai con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Tấn P, Tòa án đã triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Tấn P nhưng anh Nguyễn Tấn P vắng mặt không có lý do, đồng thời cũng không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng N và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con. Bị đơn anh Nguyễn Tấn P có địa chỉ tại phường M, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15, ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 6 của Nghị quyết số 01//2025/NQ-HĐTP, ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Tấn P nhưng anh P vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh P theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân của chị N và anh P được xác lập vào năm 2015, do hai anh chị tự nguyện và thừa nhận, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay là phường M, tỉnh Đồng Tháp) vào ngày 06/01/2015 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Tại phiên tòa, chị N yêu cầu được ly hôn với anh P; anh P vắng mặt và không có ý kiến về quan hệ

hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị N và anh P đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng có hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là phù hợp với Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chị N được ly hôn với anh P.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Bảo N1, sinh ngày 16/8/2016 và Nguyễn Tấn T, sinh ngày 25/9/2020, hiện hai con chung đang sống với chị N. Tại phiên tòa, chị N yêu cầu được nuôi hai con chung, anh N vắng mặt nên không có ý kiến về con chung. Hội đồng xét xử xét thấy 02 con chung đã sống với chị N ổn định thời gian dài và phát triển tốt về mọi mặt nên tiếp tục giao 02 con chung tên Nguyễn Bảo N1, sinh ngày 16/8/2016 và Nguyễn Tấn T, sinh ngày 25/9/2020 cho chị N tiếp tục nuôi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con; anh P vắng mặt nên không có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh P vắng mặt nên không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27

của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15, ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 6 của Nghị quyết số 01//2025/NQ-HĐTP, ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Hồng N. Chị Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn với anh Nguyễn Tấn P.

[2] *Về con chung:* Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Hồng N. Chị Nguyễn Thị Hồng N được tiếp tục nuôi 02 con chung tên Nguyễn Bảo N1, sinh ngày 16/8/2016 và Nguyễn Tấn T, sinh ngày 25/9/2020, hiện hai con chung đang sống với chị N.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3] *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung:* Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 0004892 ngày 15/10/2025 của Thị hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, như vậy chị N đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND KV6, ĐT;
- Phòng THADS KV6, ĐT;
- UBND xã Tân Nghĩa, HCL (nay là phường Mỹ Ngãi, tỉnh Đồng Tháp) (số 002/2015, ngày 06/01/2015);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Trinh